

CHỮ KINH TẬP YẾU

QUYỂN 12

PHẦN THỨ 20: THAM DỤC NGĂN CHE

- Duyên thuật ý
- Duyên ngữ dục
- Duyên ngữ cái.

Thứ 1: Trình bày về duyên ý

Kinh Thiệt Tâm nói: Hành giả tu đạo đều cho năm dục là căn bản chướng ngại đạo, nếu không học để đoạn trừ thì không thể chứng bậc Thánh. Muốn biết nguồn gốc thì nói tóm có ba loại: Một là trong có năm căn, hai ngoài có năm trần, ba là năm thức được sanh. Do ba điều này nên có thể sanh dục nhiễm ô. Kinh Niết bàn dạy: Nay thiện nam! Ví như voi ác tâm chưa điều phục, có người điều khiển mà tự ý bỏ đi, xa lìa xóm làng, đến nơi đồng trống. Người không thể khéo khâu nhíp, năm căn này cũng vậy, sẽ dẫn người xa lìa thành ấp Niết bàn, đến nơi đồng hoang sanh tử. Nay thiện nam! Ví như quan thần đua nịnh, xúi vua làm ác. Quan thần nịnh hót năm căn cũng như vậy, thường thúc giục chúng sanh tạo vô lượng xấu ác. Ví như đứa con ác, không chịu nghe lời khuyên bảo cha mẹ, Sư trưởng mà làm tất cả việc ác. Không tự điều phục năm căn cũng như vậy, không chịu nghe theo lời khuyên răn tốt lành của cha mẹ, không việc ác nào không gây tạo. Nay thiện nam! Người phàm phu không giữ gìn năm căn thường bị cướp hại của loài ngạ quỷ, súc sanh, địa ngục, cũng như kẻ oán, lén hại người hiền. Lại trong kinh Di giáo dạy: Giặc năm căn tai họa đến nhiều đời, là hại rất nặng, cần phải cẩn thận. Vì thế, người trí chế ngự mà không thuận theo. Giữ tâm như giữ giặc. Giả sử để cho nó buông lung cũng chẳng để lâu, gặp nó là phải mài mòn cho hết. Luận bàn về “Cái” là nghĩa ngăn che của “Ấm”, nghĩa là sự ngăn che làm chướng ngại người tu hành, làm cho tâm tánh hôn mê, định tuệ không rõ, mất đi người thiện, là chướng

ngại chính của đạo tu nên gọi là Cái. Luận Đối pháp dạy: Sự ngăn che này khiến cho việc thiện không hiển rõ là nghĩa Cái. Che lấp tâm mình, ngăn cản các việc thiện, không thể thay đổi được, nên gọi là nghĩa Cái. Năm dục trước duyên năm trần ngoài mà sanh. Năm thứ ngăn che này từ trong năm căn mà phát khởi.

Thứ 2: Duyên năm dục

Thứ nhất dục trói buộc khổ. Luận về năm dục đã có các căn đó, nên phát sanh năm dục, trói buộc chúng sanh không được giải thoát. Kinh Niết bàn dạy: Người phạm phu bị năm dục trói buộc để ma Ba tuần tự do dẫn đi, như người thợ săn kia bắt vượn rồi mang về nhà. Nay thiện nam! Ví như quốc vương an phận với nước mình thì thân tâm an lạc, nếu đến lãnh thổ người khác thì gặp các khổ. Tất cả chúng sanh cũng như vậy, nếu được tự tại nơi cảnh giới của mình thì được an vui, nếu đến cõi khác thì gặp nhiều ma ác, chịu nhiều khổ não. Cảnh giới của mình là Bốn niệm xứ. Cảnh giới người khác là năm dục. Năm dục là sắc, thanh, hương, vị, xúc...trên thân nam nữ. Năm dục này, mong đợi là nghĩa. Tham đắm năm trần gọi là dục và cảnh duyên xúc với ý thức gọi là pháp trần. Sáu trần này chẳng ngay thẳng, nên gọi là chỗ hành của ma cũng gọi là giặc ác. Kinh Niết bàn dạy: Như sáu tên giặc lớn có thể cướp lấy tài sản, báu vật của tất cả chúng sanh. Giặc ác sáu trần cũng vậy, có thể cướp lấy tài sản thiện căn của tất cả mọi người, như sáu tên giặc lớn nếu vào nhà người có thể cướp đoạt hết những vật hiện có trong nhà, không kể tốt xấu, khiến người từ giàu có bỗng nhiên nghèo khổ. Giặc sáu trần này cũng vậy, nếu vào trong căn người thì đoạt lấy tất cả pháp thiện. Khi pháp thiện đã hết trở thành nghèo khổ, hủi quạnh, làm một Xiển đề. Vì thế Bồ tát quán sát kỹ sáu trần như sáu giặc lớn. Thứ hai, dục là khổ chướng ngại. Luận về lỗi lầm của tham dục là ma năm dục che lấp, giặc ác sáu trần. Đức Phật phán quyết nó là mê lầm, ngăn cản Phật tánh. Kinh Niết bàn dạy: Năm thức của chúng sanh tuy chẳng phải là một niệm nhưng là hữu lậu, lại tà vạy điên đảo tăng trưởng các lậu, làm cho tất cả phạm phu tham đắm ở sắc cho đến nhận thức, vì đắm sắc nên khởi tâm tham, vì khởi tâm tham nên bị sắc trói buộc, cho đến bị nhận thức trói buộc, do trói buộc nên không thoát khỏi những phiền não, sanh già bệnh chết lo buồn khổ lớn. Lại dạy: Nếu có Bồ tát tự nói giới đã thanh tịnh, tuy không cùng nói chuyện với người nữ, giễu cợt, nghe tiếng của họ nhưng thấy người nam thường đi theo người nữ, hay thấy người nữ đi theo người nam, thì sanh tham đắm.

Bồ tát như vậy là đã thành tựu pháp tham dục, hủy phá giới thanh tịnh nhiễm ô phạm hạnh, khiến giới bị ô uế, không được gọi là giới Cụ túc thanh tịnh.

Luận Trí Độ dạy: Bồ tát quán thấy đủ thứ bất tịnh ở trong các pháp suy, mà quán pháp suy với người nữ là pháp nặng nhất, tất cả đao lửa, sấm chớp, sét đánh thành linh, oan gia rắn độc vẫn còn gần chút ít, nhưng người nữ keo kiệt, sân giận, ganh tỵ, dua nịnh, mỹ miều, tranh cãi, tham lam, tật đố không thể gần được. Vì sao? Tâm người nữ nhỏ mọn, trí tuệ kém cỏi, chỉ muốn là gần, không thấy giàu sang, trí tuệ, danh tiếng thường làm việc dâm dục xấu ác, phá hoại căn lành của người, như gông cùm, xiềng xích trói nhốt trong tù, tuy nói khó thoát ra nhưng vẫn còn dễ mở hơn sự trói buộc của người nữ, đấm nhiễm sâu dày nơi các căn không thể thoát khỏi, bệnh đó thật nặng. Đức Phật nói kệ:

*Thà lấy sắt nóng
Lăn khắp trong mắt
Không vì tâm nhiễm
Liếc nhìn sắc nữ
Cười duyên điệu bộ
Kiêu mạn hỏ thẹn
Quay đầu ngấm nhìn
Khéo nói tức giận
Dáng đi mỹ miều
Làm mê hoặc người
Mắc vào lưới dâm
Người đều chìm đắm
Ngồi nằm đi đứng
Nhìn chăm sắc đẹp
Người ngu trí mỏng
Mới bị say sưa
Cầm kiếm hướng địch
Như thế mới thắng
Giặc nữ hại người
Nếu không ngăn cấm
Rắn dũ ngậm độc
Như bị nắm tay
Tình nữ mê người
Không nên xúc chạm
Những người có trí*

*Không nên ngắm nhìn
 Nếu muốn quán họ
 Tưởng như mẹ, chị
 Nhìn rõ, quán rõ
 Bất tịnh chất đầy
 Lửa dục không dứt
 Bị nó thiêu đốt.*

Sắc có những tội lỗi như vậy, còn các pháp thanh, hương, vị, xúc đã kể ra cũng thế. Tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay luôn chìm đắm trong sanh tử không thể xa lìa. thật do sắc nữ trói buộc khó thoát ra, mê mờ không có mắt trí tuệ, gặp hố sanh tử liền bị vùi lấp. Hôm nay, chỉ có đạo tục không thấy họa của tham dục rong ruổi chạy theo thì ngày nào mới quay trở lại để thoát khỏi lỗi lầm. Tâm thường nhiễm ô chưa từng ngừng nghĩ, giới còn không giữ, làm sao có định tuệ để quán thấy Phật tánh? Nên kinh Niết bàn nói kệ:

*Làm ác không hối ngay
 Như sữa liền thành váng
 Tựa tro phủ trên lửa
 Người ngu khinh giẫm lên.*

Thứ ba quả trách về khổ của tham dục. Như luận Trí Độ dạy: Hành giả nên quả trách năm dục: Thương thay! Chúng sanh thường bị năm dục làm khổ đau, mà cầu chúng không ngừng liền rơi vào hầm lửa lớn bị lửa nóng đốt dữ dội. Năm dục không có lợi như chó gặm xương. Năm dục tranh nhau mạnh như chim tranh giành thịt. Năm dục đốt người như cầm đuốc ngược gió. Năm dục hại người như giẫm xéo rắn độc. Năm dục không thật như có trong mộng. Năm dục không lâu dài như giả mượn chốc lát. Người đời ngu si mê hoặc tham đắm năm dục đến chết vẫn không bỏ, vì vậy đời sau chịu vô lượng khổ. Năm dục này chỉ vui được trong giây lát, khi mất đi thì thật là khổ, như mật dính trên dao, người liếm tham vị ngọt mà không biết sẽ thương tổn lưỡi. Năm dục đó là Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc năm việc này chướng ngại chính trong thiên định. Nếu người muốn tu định thì nên xả chúng.

Thứ nhất, quả trách về lỗi lầm ham muốn sắc. Như vua Tần-bà-sa-la vì sắc nên thân bị rơi vào nước địch, một mình ở trong phòng dâm nữ A-phạm-bà-la. Vua Ưu-điền bị đắm nhiễm sắc nên chặt tay năm trăm Tiên nhơn. Các lý do như vậy gọi là quả trách về tội lỗi của sự ham muốn sắc.

Thứ hai quả trách về tội lỗi của sự ham muốn âm thanh. Tướng

của âm thanh không dừng lại, mới nghe liền mất. Do người ngu si không hiểu tướng của tiếng là vô thường biến mất, nên đối với âm thanh mà mê lầm sanh ham thích, những âm thanh đã qua, nghĩ đến sanh đắm đuối, như năm trăm vị Tiên nhơn ở trong núi. Ở đó, có cô Chân-đà-la đang tắm trong ao ở Tuyết sơn, các Tiên nhơn nghe tiếng hát của cô ta liền mất thiền định, tâm ý quay cuồng, phóng túng, không thể tự giữ được thiền, mất hết công đức, về sau đọa vào đường ác. người trí quán xét âm thanh luôn sanh diệt, tướng trước sau không đồng, nếu biết như vậy sẽ không đắm nhiễm. Những vị đó, đối với những tiếng hay của trời còn không thể rối loạn huống nữa là tiếng của người. Các lý do như vậy gọi là quả trách về tội lỗi của sự ham muốn âm thanh. Trong luận dạy: Như năm trăm vị Tiên nhơn khi bay, nghe tiếng hát của cô Khẩn-đà-la mà đắm nhiễm cuồng say, đều mất hết thần túc, liền rơi xuống đất. Như nghe mà biết được tiếng ca hát, gãy đàn từ đồng đất của vua Khẩn-đà-la dùng thật tướng các pháp để tán thán Đức Phật. Khi ấy núi Tu di và các cây đều rung động. Đại Ca Diếp cùng với chúng đệ tử đang ở chỗ ngồi liền lay động, không yên.

Bồ tát Thiên-man thưa Đại Ca Diếp: Thầy là vị lớn tuổi nhất, thực hành hạnh Đầu đà nhất sao hôm nay không chế ngự được tâm mình.

Đại Ca Diếp đáp: Tôi đối với các dục của hàng trời người tâm không lay động, vì Bồ tát ấy với âm thanh vô lượng phước đức của Bồ tát lại do trí biến thành âm thanh tôi không thể chịu được! Ví như khi tám phương gió thổi, núi Tu di không hề lay động. Đến khi kiếp tận gió thổi đến núi Tu di khiến cho cỏ dại bị thúi mục như đàn A tu thường phát ra âm thanh, tùy theo ý người mà tấu lên, không có người đàn, ở đây không có tâm tán loạn cũng không có người nhiếp tâm, phước đức này sanh nên tùy ý vang tiếng. Pháp thân của Bồ tát cũng như vậy, không có sự phân biệt cũng không có tâm tán loạn, cũng không có tướng thuyết pháp, là nhân duyên phước trí vô lượng.

Thứ ba quả trách về tội lỗi của sự ham muốn hương. Người cho thích hương là ít tội, nhưng tham đắm hương là mở cửa cho các kiết sử. Tuy có trì giới một trăm năm nhưng có thể bị hoại trong một lúc. Như có A-la-hán thường vào trong cung rồng, thọ thực xong đưa bát cho Sa-di rửa, trong bát còn vài hạt cơm thừa, Sa-di ngửi mùi thấy rất thơm, bèn ăn thật ngon, tìm mọi cách vào dưới giường của thầy đưa hai tay nắm vào giường dây. Vị thầy đến lúc mang giường dây vào cung rồng, rồng bảo: Người này chưa đắc đạo, sao lại đem đến đây?

Vị thầy nói: Không biết. Sa-di được ăn uống, lại thấy Long nữ

hình tướng xinh đẹp, mùi thơm không ai bằng, nên tâm nhiễm nặng, rồi thề xấu: Ta sẽ làm phước chiếm lấy cung rồng, rồi ở đó.

Rồng nói: Sau này chớ đem Sa-di đến đây. Sa-di trở về, hết lòng bố thí trì giới, luôn mong được lời thề là muốn sớm làm rồng. Khi đi, nhiều quanh chừa, dưới chân nước chảy ra, tự biết chắc chắn thành rồng, theo lối nhỏ đến chỗ cũ của thầy bên hồ lớn, lấy áo cà sa che đầu đi vào liền chết, hóa thành con rồng lớn. Do phước đức nhiều nên giết chết con rồng kia rồi thả xuống hồ, làm đỏ cả hồ, trước đây chưa từng có như vậy. Các thầy và chúng Tăng quở trách, Sa-di nói: Tâm con đã định thì tướng hiện ra. Chúng Tăng đến bờ hồ xem, nhân duyên là do lỗi tham đắm hương.

Lại có một Tỳ-kheo kinh hành bên hồ sen trong rừng, nghe thấy hương thơm hoa sen, nên ưa thích. Thần hồ nói: Thầy sao bỏ ngôi thiền định dưới gốc cây đó mà trộm hương của ta, do đắm say mùi hương như các kiết sử đang nằm đều đứng dậy. Lúc ấy, lại có một người đến trong hồ hái nhiều hoa sen, đào bới gốc rễ bờ bãi rồi bỏ đi. Thần hồ im lặng mà không nói.

Tỳ-kheo nói: Người này phá hết hồ hoa của người sao không nói, ta chỉ đi trên bờ hồ mà bị ông quở trách ta ăn trộm hương?

Thần hồ nói: Người xấu ác ở đời thường ở trong ô uế, tội lỗi ngập đầu nên ta không nói còn thầy thích thiền hành mà đắm vào hương này, sẽ phá hoại những việc tốt của người nên ta trách. Ví như cuộn vải trắng tinh, nếu có một tí nhơ khác thì mọi người đều thấy. Người ác đó ví như tấm vải đen, thêm một tí đen vào mọi người không thấy ai thêm hỏi đến! Các lý do như vậy gọi là quở trách về tội lỗi của sự ham muốn hương.

Thứ tư quở trách về tội lỗi của sự ham muốn mùi vị. Phải tự giác ngộ, ta chỉ vì tham mùi vị nên chịu khổ, bị nước đồng sôi đổ vào miệng, nuốt hòn sắt nóng, nếu không quán xét thức ăn mà quá ham thích thì sẽ bị đọa làm loài trùng bất tịnh. Như một Sa-di luôn thích váng sữa. Khi mỗi lần đàn việt cúng dường váng sữa chúng Tăng mà có phần sữa thừa thì Sa-di thêm muốn không thể lia được. Sau khi chết sanh vào bình váng sữa dư đó. Thầy của Sa-di đã đặc quả A-la-hán, lúc chúng Tăng phân sữa, thầy bảo: Hãy làm từ từ chứ làm tổn thương Sa-di thích váng sữa này.

Những vị ấy trả lời: Đây là loài trùng, sao lại nói Sa-di thích váng sữa?

Đáp: Côn trùng này xưa là đệ tử Sa-di của ta, chỉ ưa thích váng

sữa thừa mà phải sanh vào bình này. Người thầy được phần sữa, còn trùng lại đến trong đó.

Người thầy bảo: Ta là Hòa thượng của người, người nên bỏ tâm tham đắm vâng sữa, cầu xuất thế giải thoát. Trùng hiểu lời Thầy, liền thọ lại Tam quy, tức mạng chung sanh lên cõi trời. Lại vua của nước tên Nguyệt-phân có một thái tử ưa thích vị ngon. Người giữ vườn mỗi ngày đưa đến quả ngon. Trong vườn có một cây rất lớn, trên cây đó có con chim nuôi đàn con, thường bay đến Hương sơn, lấy quả thơm ngon đem về nuôi con, đàn con tranh nhau ăn nên quả bị rơi xuống đất. Sáng sớm người giữ vườn thấy quả lạ, màu sắc khác thường liền dâng lên vua. Vua quý quả này vì sắc hương khác thường. Thái tử thấy, liền đòi nhà vua thưởng con nên cho luôn. Thái tử ăn quả, hưởng mùi vị đó, nên rất thích, muốn có mỗi ngày. Vua liền gọi người giữ vườn hỏi: Quả này ở đâu? Người giữ vườn thưa: Quả này không có cây, thần lượm ở nơi đất, không biết từ đâu mà có. Thái tử khóc lóc không chịu ăn, vua thúc dục người giữ vườn van xin ông tìm cho được. Người giữ vườn đi đến chỗ quả đó, thấy có một tổ chim và chim mẹ ngậm quả mang về tổ. Người giữ vườn lấy cái lồng che trên cây muốn lấy quả, lúc đó chim mẹ bay về liền đoạt lấy quả đem dâng vua, cứ mọi ngày như vậy. Chim mẹ tức giận nên đến trong Hương sơn lấy quả độc, màu sắc, hương vị như quả trước, người giữ vườn cũng lấy được về dâng vua rồi cho thái tử ăn, chẳng bao lâu thân thể mục rã mà chết. Các lý do như vậy gọi là quở trách về tội lỗi của sự ham muốn vị.

Thứ năm quở trách về tội lỗi của sự ham muốn xúc chạm. Xúc này là nhân của kiết sử, là nguồn gốc trói buộc tâm. Vì sao? Vì bốn tình trên đều chia ra phân biệt, nhưng ở đây thì do khắp thân đều đắm nhiễm. Vì nó khó bỏ thường tạo tội nặng. Bấy giờ, Thế tôn dạy cho các Tỷ-kheo về nhân duyên đời trước. Vào đời quá khứ lâu xa, ở nước Ba-la-nại, trong núi có một vị Tiên nhơn, vào giữa mùa thu, tắm trong bồn nước, tiểu tiện trong đó, thấy hai con nai cùng giao hợp nên tâm dục dấy khởi, xuất tinh trong bồn. Con nai đến uống nước liền mang thai, đủ tháng sanh con, hình tướng như người, trên đầu có một sừng, chân giống chân nai. Khi sanh con đến bên am Tiên nhơn, mà sanh thấy con là người nên bỏ lại cho Tiên nhơn rồi đi. Tiên nhơn ra thấy nai con, tự nhớ duyên xưa, biết là con của mình, đem vào nuôi nấng. Ngày tháng trôi qua, nai con lớn lên, được dạy dỗ học tập thông suốt mười tám bộ kinh lớn, học ngồi thiền, thực hành Bốn vô lượng tâm, đắc năm thần thông, gặp lúc trên núi mưa lớn bùn trơn, chân nai con đi không được, té

quy trên đất, khiến bể bình nước bên mình, chân lại bị thương nên càng tức giận. Nai con bèn lấy bình nước đầy chú nguyện khiến ngừng mưa. Bởi phước đức của vị Tiên nhơn nên các quỷ thần, rồng làm cho mưa ngừng. Do không mưa nên năm loại lúa và năm thứ quả đều không sanh trưởng, mọi người khốn khổ không có con đường sống. Vua Ba-la-nại buồn rầu lo lắng, truyền cho tập hợp các đại thần bàn về việc này. Hôm sau, họp bàn có một người nói: không mưa này. Có người thông minh nói: Nghe là vị Tiên nhơn trên núi có Tiên nhơn (con) một sừng, vì chân không thích nghi nên lên núi bị té xuống đất, làm chân bị thương, do đó sân giận và chú nguyện làm cho không mưa suốt mười hai năm. Vua suy nghĩ: Nếu mười hai năm không mưa, nước ta tiêu mất không còn dân chúng. Vua liền chiêu mộ, nếu ai có thể làm cho vị Tiên nhơn mất năm thông ta vì dân, sẽ chia một nửa đất nước để cai trị. Hồi ấy, trong nước có một dâm nữ Phiến-đà xinh đẹp thật giàu có xin vua làm việc đó. Người nữ hỏi mọi người: Người đó có phải người không?

Mọi người đáp: Vị đó Tiên nhơn sanh ra. Nếu là người thì ta có thể hại.

Nói rồi liền lấy mâm vàng đựng đầy báu quý, tâu vua: Tôi sẽ cỡi cỗ vị Tiên nhơn đó đến đây cho vua. Dâm nữ xin vua năm trăm xe ngựa chở năm trăm người con gái đẹp cùng năm trăm xe nai chở nhiều viên hoan hỷ chế biến bằng các cỏ thuốc, dùng tơ lụa vẽ tương tự nhiều loại quả và mang nhiều thứ rượu ngon nồng độ mạnh, sắc vị như nước, mặc y phục bằng vỏ cây đi vào trong rừng, để giống như người Tiên. Lại ở bên am Tiên nhơn, làm am bằng cỏ để ở. Tiên nhơn một sừng đi ra thấy vậy, các người nữ đều ra nghinh đón, dùng những hoa đẹp, thơm tho cúng dường Tiên nhơn, vị này rất vui, các người nữ với những lời ngọt ngào, từ tốn thưa hỏi Tiên nhơn rồi mời vào phòng ngồi trên giường mềm chiếu sang đẹp, cùng uống rượu ngon trong suốt như nước, lại bỏ các viên hoan hỷ trong trái dưa, khi ăn uống no nê, nói với người nữ: Ta từ xưa đến nay chưa được nước ngon quả ngọt như thế này.

Các Tiên nữ nói: Chúng tôi một lòng làm lành, nên vị trời cho tôi được sở nguyện nước ngon quả ngọt này.

Tiên nhơn hỏi các Tiên nữ: Các người làm thế nào hồng hào mập lớn thế?

Đáp: Chúng tôi đã dùng những quả ngon, nước ngọt này nên như vậy.

Tiên nhơn: Vì sao một thời gian các người không ở đây?

Đáp: Chúng tôi cũng có thể ở được! Vậy có thể chung tắm rửa là

có thể được ở. Nói rồi, người nữ đưa tay mềm mại xoa lên thân Tiên như làm ông ta rung động, liền tấm với các người nữ, tâm dục phát sanh, trở thành việc dâm dục, mà mất thần thông. Do đó, trời đổ mưa lớn suốt bảy ngày đêm, khiến ai cũng vui mừng, đầy đủ thức ăn. Sau bảy ngày, rượu và thức ăn hết, bèn tìm cách vào núi lấy quả, cây, nhưng mùi vị nó không ngon, Tiên như đòi giống như trước, người nữ thưa: Đã hết thức ăn, hôm nay chúng ta cùng đi, cách đây không xa có một nơi có những thứ đó. Vị Tiên như đồng ý, nên cùng nhau đi, cách thành không xa, trên đường đi người nữ nằm xuống và nói: Ta quá mệt không đi được nữa.

Tiên như bảo: Nếu người không đi được hãy bám vào cổ ta, ta sẽ công người. Người nữ trước đã sai người tin cho vua biết, để vua chứng kiến rõ khả năng trí tuệ của mình. Vua sai người chuẩn bị ngựa giá đến xem, và hỏi: Nhờ lý do gì mà được vậy?

Người nữ đáp: Dùng lực phương tiện, hôm nay, không trở lại được như trước nữa, khiến ở trong thành này, nên cung kính cung cấp thức ăn ngon cho ông ấy theo mọi sự mong cầu của ta, phong cho ông ấy làm quan lớn. Vị quan này chỉ sống được ít ngày, thân thể ốm gầy, nhớ nghĩ thích thú thiên định, chán ngán dục lạc thế gian.

Vua hỏi Tiên như: Sao người không vui, mà thân hình ốm gầy dần vậy?

Tiên như đáp: Tôi tuy hưởng năm khoái lạc, nhưng luôn nhớ đến cảnh các vị Tiên đi kinh hành giữa rừng vắng, thật không quên được!

Nhà vua tự nghĩ: Nếu gương bắt trái với lòng ông thì chỉ khổ mà thôi, nếu khổ nhiều chắc sẽ chết, ta chỉ muốn cầu khỏi nạn khô hạn, nay được rồi, vì sao lại ép buộc ý chí của ông ấy, nên sai người thả, trở về lại núi. Tiên như tinh tấn chẳng bao lâu đắc năm thông. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Vị Tiên như đó chính là thân ta, còn dâm nữ kia là Da-du-đà-la. Các viên thuốc hoan hỷ để mê hoặc là do Ta chưa đoạn được các phiền não nên bị mê hoặc, hôm nay, Ta dùng lại viên thuốc hoan hỷ đó để mê hoặc Ta thì không thể được. Do việc này, nên biết pháp Xúc rất nhỏ nhiệm, có thể làm lay động vị Tiên như huống nữa là phạm phu. Các lý do như vậy gọi là quả trách về tội lỗi của sự ham muốn xúc. Như vậy là đã quả trách và diệt được năm sự ngăn che.

Thứ 3: Duyên năm sự ngăn che

Hỏi: Năm sự ngăn che (cái) là gì?

Đáp: Một là tham dục. Hai là sân giận. Ba là thù miên. Bốn là

trạo hối. Năm nghi.

Thứ nhất người bị tham dục ngăn che là ngồi thẳng tu thiền định mà tâm khởi lên sự biết, vọng niệm liên tục, mong cầu không dứt dẫn đến sanh khổ. Như luận Trí Độ dạy: Thuật rằng Bà-già vì nhớ công chúa của vua trong tâm tham dục dấy khởi còn muốn đốt thân, mang đến cúng tế trời huống nữa sanh tham dục độc hại thiêu đốt mà không thể thiêu đốt các pháp thiện, tâm chấp đắm dục không có lí do gì được đến gần đạo, nói kệ:

*Người tâm quý vào đạo
Mang bát giáo hóa người
Sao dục trần dấy khởi
Chìm đắm trong năm tình.
Đã bỏ năm dục lạc
Xả rồi không nhìn lại
Sao trở lại tham dục.
Như ngu ỏi ăn lại
Mong cầu dục là khổ
Khi được nhiều lo sợ.
Khi mất lắm não phiền
Tất cả chỗ không vui
Hoạn nạn đã như thế.
Vì sao không thể bỏ
Được phước vui thiền định
Tức không bị lừa dối.*

Thứ hai người bị sân giận ngăn che là, Sân mất đi các căn bản pháp lành, là nhân duyên đọa vào đường ác, là oan gia của pháp an lạc, giặc lớn của tâm thiện, tích giữ lời nói ác, đao búa của họa. Nếu ai tu tập đạo thì nên suy nghĩ: Sân là não hại mình và mọi người thân, khen ngợi oán giận của ta, là bức họa từ quá khứ đến vị lai cũng như thế, là chín chỗ khổ não, phát sanh sân giận, nhớ đến sân tức che mất tâm nên gọi là cái. Thế nên, phải nhanh chóng trừ bỏ chớ cho phát triển. Như luận Trí Độ, Thích-đề-bà dùng kệ hỏi Phật:

*Diệt pháp nào an ổn?
Diệt pháp nào không lo?
Pháp nào là gốc độc?
Diệt hết tất cả thiện.
Đức Phật dùng kệ đáp:
Diệt sân tức an ổn*

*Diệt sân tức không lo
Sân là gốc của độc
Sân diệt các pháp thiện.*

Biết như thế cần phải tu tâm từ bi, cố gắng diệt trừ để tâm được thanh tịnh, quán biết âm thanh là rỗng không chớ khởi sân si. Luận Trí Độ dạy: Bồ tát biết các pháp không sanh cũng không diệt, tánh của nó đều không. Nếu người nào sân giận, mắng chửi hoặc đánh đập hay giết hại đều là mộng huyễn, quán xét âm thanh vốn là không, chỉ là tiếng gió, theo duyên mà có, sao phải sân giận? Nên luận dạy: Như người muốn nói thì gió trong miệng gọi là Ưu-đà-na, lại vào trong rốn, đến rốn phát ra tiếng, tiếng phát ra qua bảy nơi, đây gọi là nói, như kệ:

*Gió gọi là Ưu-đà-na
Chạm rốn phát lên trên
Gió phát qua bảy nơi
Đỉnh, môi, lợi cùng răng
Lưỡi, cuốn họng và ngực
Do đó có lời nói
Người ngu không hiểu thế
Mê chấp khởi sân si.*

Kinh Ưu-bà-tắc dạy: Người có trí nếu gặp sự nhục mạ thường nghĩ như vậy: Lời nói hủy nhục không sanh ra cùng một lúc, lời đầu sanh thì lời sau chưa sanh, lời sau sanh ra thì lời đầu lại diệt. Nếu không cùng lúc sao lại nhục mạ? Khi gặp gió thanh này sao ta lại sân giận? Nên luận Trí Độ dạy: Bồ tát quán thấy bị chúng sanh hủy nhục trăm ngàn kiếp cũng không sanh giận dữ, trái lại dù khen ngợi trăm ngàn kiếp cũng không vui mừng, vì hiểu rõ âm thanh như mộng như tiếng vang.

Thứ ba người bị ngủ nghĩ (thùy miên) ngăn che là trong tâm mê mờ rối loạn, gọi là Miên. Bị năm tình che lấp, buông lung các căn, nằm rũ rượi mê man, gọi là Thùy. Thùy miên này che lấp, có thể phá hủy để được an lạc chơn thật đời này và đời sau. Pháp ác này là bất thiện nhất. Vì sao? Vì các trần khác che lấp thì có thể biết mà trừ bỏ, nhưng ngủ nghĩ thì như người chết chẳng có cảm giác. Vì không có cảm giác nên khó diệt trừ. Như luận Trí Độ dạy: Bồ tát dạy cho các đệ tử về ngủ nghĩ, nói kệ:

*Các người chớ ôm thân chết ngủ
Đủ mọi bất tịnh giả gọi người danh
Như tên bản thân bị thương nặng
Các khổ tập trung sao ngủ được?*

*Như người bị trói đem đi giết
 Lửa cháy đến nơi sao ngủ được?
 Giặc nào không diệt hại chưa trừ
 Như cùng rắn độc ngủ chung phòng
 Cũng như lâm trận dao trắng xóa
 Lúc ấy, làm sao mà được ngủ?
 Ngủ là tối tăm không thể thấy
 Luôn luôn dối, đoạt người thông minh
 Do ngủ che tâm không thấy được
 Lỗi lớn như thế sao ngủ yên!*

Thứ tư sự ngăn che của (trạo hối) ăn năn, có ba. Một là miệng trạo cử, tức ưa thích ngậm vịnh, tranh cãi đúng sai, bàn luận đùa cợt không lợi ích, nói những lời thế tục... gọi là miệng trạo cử. Hai là thân trạo cử, tức là thích cỡi xe, rong ruổi, buông lung, hoặc các tướng của thân phải dùng sức như kéo, lắc cổ tay, vỗ tay... . Gọi là thân trạo cử. Ba là tâm trạo cử, tâm tình phóng đãng, buông ý nắm duyên, suy nghĩ những kỹ xảo, tài năng văn chương, nghệ thuật thế gian, biết suy xét các pháp ác, gọi là tâm trạo cử. Trạo cử là pháp, phá hoại tâm xuất gia, nên luận Trí Độ nói kệ:

*Người đã cắt tóc mặc cà sa
 Mang cầm bình bát đi xin ăn
 Vì sao ham chấp pháp trạo cử
 Buông lung tâm ý mất pháp lợi.*

Đã không có lợi ích của pháp, lại mất niềm vui ở thế gian, biết những lỗi này nên mau chóng trừ bỏ. Nói hối là nếu trạo cử mà không ăn năn thì không thành ngăn che. Vì sao? Vì trạo cử còn ở trong duyên, sau muốn vào thiền định thì ăn năn những việc làm trước, nên lo buồn che mất tâm, gọi là ngăn che. Ở đây có hai loại: Một là do trạo cử sau mới sanh ăn năn, như trước đã nói. Hai là người tạo tội quá nặng thường lo sợ như tên độc bắn vào tim nhất định không nhổ ra được. Luận Trí Độ nói kệ:

*Không đáng làm mà làm
 Đáng làm mà không làm
 Bị lửa nào thiêu đốt
 Đời sau đọa đường ác.
 Nếu người tội biết hối
 Hối rồi không lo sợ
 Tâm như vậy an lạc*

Không cần nghĩ chấp trước.
 Hoặc có hai loại hối
 Hoặc đáng làm không làm
 Không đáng làm mà làm
 Là tướng người ngu si.
 Không đem tâm hối cãi
 Không làm mà lại làm
 Tạo các ác đó rồi
 Không thể khiến không làm.

Thứ năm là do dự (nghi) ngăn che, tức do nghi ngờ mà ngăn che tâm, nên trong các pháp tâm không nhất định. Vì tâm không quyết định, nên đối với pháp Phật, trống rỗng không được gì cả. Như người vào núi báu nếu không có tay thì chẳng lấy được. Lại nữa, nghi ngờ nói chung, rất nhiều lỗi, chưa hẳn chướng ngại trong việc quyết định. Nay nói, riêng về chướng ngại quyết định có ba loại nghi. Một là nghi ngờ mình. Hai là nghi ngờ thầy. Ba là nghi ngờ pháp. Một là nghi ngờ mình là nghĩ như, “các căn của chúng ta ám độn, tội lỗi sâu nặng, chúng ta chẳng phải là người ư! Tự nghi ngờ mình như vậy, định tuệ không phát sanh, nếu muốn học pháp thì chớ xem thường mình, vì căn lành đời trước khó lường được. Hai là nghi ngờ thầy. Chính vị thầy oai nghi tướng mạo như vậy mà không có đạo thì làm sao dạy bảo ta? Nghi ngờ kiêu mạn đó chính làm chướng ngại quyết định, muốn trừ bỏ pháp nghi ấy cũng như vàng đựng trong túi da thối. Vì tham vàng nên không thể bỏ túi da. Hành giả cũng vậy, Thầy tuy không thanh tịnh cũng nên nghĩ đến Phật. Ba là nghi ngờ về pháp. Như người ở đời, tâm vốn chấp giữ. Những pháp đã thọ mà tâm không tin kính thực hành. Nếu có tâm do dự thì pháp không thâm nhập vào tâm. Vì sao? Như luận Trí Độ dạy:

Như người đi đường rẽ
 Nghi ngờ không lãnh thọ
 Trong các pháp thực tướng
 Nghi cũng lại như vậy
 Nghi nên không chuyên cầu
 Thật tướng của các pháp
 Nghi này từ si sanh
 Là ác trong pháp ác
 Trong thiện và bất thiện
 Sanh tử và Niết bàn
 Quyết định pháp chân thật

*Trong pháp chớ sanh nghi
 Nếu người thường nghi ngờ
 Chết vua ngục trời xử
 Như sư tử bắt nai
 Không thể thoát ra được
 Ở đời tuy có nghi
 Phải theo pháp thiện tốt
 Ví như thấy đường rẽ
 Có lợi thì nên theo.*

Hỏi: Pháp bất thiện tuy nhiều vô lượng mà sao chỉ bỏ năm pháp?

Đáp: ở trong năm pháp này là tuy nghĩa như hẹp nhưng chúng bao gồm ba độc cũng thấu nhiếp suốt cả tám vạn bốn ngàn các cửa phiền não. Thứ nhất là ngăn che của tham dục, tức là độc của tham. Thứ hai là sự ngăn che của giận dữ, tức là độc của sân. Thứ ba là sự ngăn che của thù miên, nghi ngờ tức là độc của si. Pháp trạo cử ăn năn là một ngăn che chia đều, tức là bao gồm bốn phiền não còn lại. Trong một pháp có hai vạn một ngàn, trong bốn pháp thì tổng cộng có tám vạn bốn ngàn các cửa phiền não, vì thế, nếu diệt trừ được năm Cái này tức là trừ bỏ tất cả pháp bất thiện. Ví như người mắc nợ được hết. Như người bệnh được trị lành. Như người đói khát đến nước giàu có. Như ở trong giặc ác mà tự thoát khỏi an ổn, không bị tai hại. Hành giả cũng vậy, đoạn trừ được năm cái này tâm được thanh tịnh. Ví như mặt trời, mặt trăng bị năm thứ che lấp là khói, mây, bụi trần, sương và tay Tu la ngăn che, tức không sáng rõ. Tâm cũng như vậy, hợp lại có thể biết, kệ:

*Năm dục mờ hiểu biết
 Năm Cái che phước đức
 Sáu căn tạo các khổ
 Sáu giặc loạn tâm, sắc
 Sóng dục cuốn theo trần
 Lưới ái tùy tâm dệt
 Ba độc ngại hiểu Không
 Trời mãi trong bốn dòng
 Tuy đến Đông lại Thu
 Tạm tính mà chưa chọn
 Xem Bồ câu không cùng
 Khỉ chuyển cành sao giữ?
 Minh không dứt dục cái
 Sao được xa? Bước lên?*

*Bằng che mái thành báu (Bảo thành)
Cùng thấy đức Năng nơn.*

PHẦN THỨ 21: BỐN LOÀI

- Duyên thuật ý.
 - Duyên hội danh.
- Duyên tương nhiếp.
 - Duyên ngũ sanh.
 - Duyên trung ấm.
- Duyên thọ thai.

Thứ 1: Trình bày về duyên ý

Người làm thiện thì cảm ứng được an vui, hưởng đến trời người, xa quả Phật, làm ác chịu khổ, gần với ba đường, xa ba thừa Thánh đạo. Người ngu không tin, người trí có thể biết. Nên có bốn loài khác biệt, sáu loài sai khác, đường sáng tối khác biệt, cõi thăng trầm cũng khác, lý duyên nghiệp rõ như vậy, quả báo của nhân quả thường như vậy.

Thứ 2: Duyên tổng hợp tên gọi

Trong kinh Bát nhã dạy: Một sanh bằng trứng, hai sanh bằng thọ thai, ba sanh nơi ẩm thấp, bốn là sanh bằng biến hóa.

Kinh Trung A hàm giải thích về mười hai nhân duyên, Sanh có bốn cách. Một là sanh bằng bụng là người và súc sanh. Hai là nóng lạnh hòa hợp mà sanh như các côn trùng sâu, bò chét, rận. Ba là sanh bằng cách biến hóa, như trời và địa ngục. Bốn là sanh bằng trứng như các loài chim bay, cá, ba ba.

Kinh Chánh pháp niệm xứ dạy: Súc sanh nhiều vô lượng, tóm có ba nơi. Một là sinh hoạt dưới nước, như các loài cá....Hai là sống trên đất liền, như các loài voi... Ba là sinh sống trên hư không, như các loài chim, hoặc các loài súc sanh chỉ dùng thiên nhãn mới thấy. Sanh có bốn loại. Những gì là bốn. Một là sanh bằng thai như các loài voi, ngựa, trâu, dê. Hai là sanh bằng trứng, như các loài rắn, trăn, ngỗng, vịt, gà, dế. Ba là sanh nơi ẩm thấp, như rận, bò chét, kiến riện. Bốn là sanh bằng biến hóa, như rồng mặt dài... Kinh dạy: Sanh là các căn mới phát triển. Chết là các căn bị diệt. Luận Thiện kiến dạy: Một là sanh bằng

sắc. Hai là sanh không sắc. Sanh có sắc thì có thể hoại, sanh không sắc thì không thể hoại. Sanh không sắc thì dựa vào sanh có sắc. Sắc và tâm cùng nương tựa nhau mà thành, khiến cho trước không lùi về sau, sau không chạy về trước gọi là chết.

Kinh Niết bàn dạy: Phật tánh của chúng sanh trú trong năm ấm, nếu hủy hoại năm ấm gọi là sát sanh, nếu có sát sanh tức đọa đường ác. Do sanh tử này nên sanh có bốn. Nương vào màng mà sanh gọi là trứng. Tổng hợp cát chứa rồi xuất ra gọi là thai. Như thấm nhuần mà phát khởi gọi là thấp. Bỗng nhiên mà hiện ra gọi là hóa. Chúng sanh bị tóm thâu, không thoát qua bốn loại này.

Thứ 3: Duyên cùng nhau thâu nhiếp

Luận Tỳ Bà Sa dạy: Trong cõi Dục này tóm thâu đủ sáu đường. Cõi sắc và cõi Vô sắc mỗi mỗi đều có phần ít sáu đường. Sở dĩ sai khác là do cõi Dục loạn lạc, chúng sanh phần nhiều xấu ác khởi các nghiệp không thuần, hoặc thiện, hoặc ác, vì không giống nhau, theo nghiệp chịu báo có nhiều khác biệt. Hai cõi trên chỉ là định, chúng sanh tĩnh lặng, khởi các nghiệp cũng thuần, nên không có nhiều đường sai khác.

Hỏi: Bốn loài, sáu đường cùng thâu nhiếp thế nào?

Đáp: Như trong luận Tỳ Đàm dạy: Trời và địa ngục chỉ một hướng hóa sanh. Quỷ có hai hướng là thai sanh và hóa sanh. Người và súc sanh mỗi loại đều đủ bốn thứ sanh. Nên luận này hỏi: Sanh tóm thâu các đường, hay là đường thâu tóm các sanh? Liền tự đáp kệ:

Sanh thu nhiếp các đường (loài)

Đường không nhiếp các sanh (loại sanh)

Tức trung ấm mạnh sanh

Biết chẳng đường tóm thâu.

Nên biết nghĩa sanh rộng, nghĩa đường hẹp. Vì hóa sanh rất rộng lớn, gồm hai đường và một phần ít của ba đường. Trong địa ngục hoàn toàn hóa sanh.

Hỏi: Sáu cõi trời Dục đều hành dâm giống người sao không có sanh bằng thai? Đáp: Dục ái tuy đồng nhưng việc làm khác nhau. Kinh Lâu thán chánh pháp niệm dạy: Cõi tứ thiên và trời Đạo lợi hai nơi này, khi dâm dục có hình tướng nam nữ giao hội, giống người không khác, nhưng không xuất tinh như người. Cõi tứ thiên trên hoàn toàn khác. Diệt ma thiên hành dục, ý thích chỉ ôm hay cầm tay mà thành, không cần giao hợp. Trong Đâu suất thiên ý thích nói cười mà thành, không đợi ôm nhau. Trong Tha hóa lạc thiên cùng nhìn nhau mà thành không

đợi nói cười. Trong Hóa thiên chỉ nghe tiếng nói, hoặc nghe mùi thơm mà thành, không đợi nhìn nhau nên khác với loài người. Vì các cõi trời sanh bằng biến hóa, nên từ đầu gối mẹ hiện ra. Đường ngạ quỷ sanh bằng biến hóa có thể biết. Sanh bằng thai là ít giấu được, như người quán tịnh kia nói: Xưa trong thành Xá vệ có người nữ bị vướng tinh trùng của quỷ, sau đó sanh ra năm trăm quỷ con. Luận Câu xá nói: Có một con quỷ nói với Mục Kiên Liên: Ban ngày ta sanh năm con, đêm ta sanh năm con, sanh ra làm thức ăn, lại không được no. Đây là quỷ sanh bằng thai. A-tu-la có hai đường sanh là bằng thai và biến hóa. Do có giao hợp nên có sanh bằng thai. Kiếp đầu tiên của A-tu-la là từ trời mà sanh, tức là sanh bằng biến hóa. Theo kinh Quán Phật Tam Muội nói: Căn bản của Tu-la-nữ là từ trong ẩm ước, trứng, bùn, ở biển lớn mà sanh ra, nên có chung hai cách sanh là biến hóa và thai, cũng có đủ bốn cách sanh. Người cũng có bốn cách sanh. Sanh bằng thai thì có thể thấy được. Sanh bằng trứng, như kinh Niết Bàn dạy: Như Tỳ-xá-khư-mẫu sanh một cục thịt, trong đó hiện ra ba mươi hai trứng. Luận Tỳ Bà Sa hỏi: Làm thế nào để biết trong loài người có sanh bằng trứng? Như lời Đức Phật dạy: Ở cõi Diêm phù lợi, có nhiều người buôn vào biển tìm vật báu, gặp hai con nhạn, tùy theo sở thích mà biến hóa. Một con mất, còn lại một con, cùng với người đó đùa giỡn, cùng ngủ một phòng rồi giao hợp, liền sanh hai cái trứng, trứng được ấp nóng lên sanh được hai đồng tử, sau lớn lên, xuất gia chứng quả A-la-hán. Người thứ nhất tên là Thi-bà-la, thứ hai tên Ưu-bát-thi-ba.

Hỏi: Làm thế nào để biết được loài người sanh nơi ẩm thấp?

Đáp: Như trong kinh đã dạy: Có vua Đảnh-sanh, Tôn giả Giá-la, Tôn giả Ưu-bà-giá-la, Lê-nữ và Nại-nữ tất cả đều sanh như vậy.

Hỏi: Làm sao biết loài người sanh bằng biến hóa?

Đáp: Như kiếp ban đầu của loài người đã được pháp của bậc Thánh, không sanh bằng trứng và ẩm thấp.

Hỏi: Tại sao lại không sanh bằng trứng và ẩm thấp?

Đáp: Sanh bằng trứng và ẩm thấp là cách sanh của súc sanh. Súc sanh có bốn cách sanh. Sanh bằng thai, trứng, ẩm thấp. Ba cách này mắt nhìn thấy, nên biết được, còn sanh biến hóa theo kinh Lâu thán nói: Chim Đại bàng cánh vàng có bốn cách sanh, trở lại ăn rồng có bốn cách sanh, sanh bằng biến hóa thì có đủ bốn loại thức ăn, sanh bằng thai có ba loại thức ăn, sanh bằng trứng có hai thức ăn, sanh bằng ẩm thấp thì lại một thức ăn ẩm thấp.

Trong kinh Khởi thế dạy: Phía Bắc biển lớn là nơi loài rồng và tất

cả chim Đại bàng làm chủ, nên làm một cây lớn, gọi là Cư-tra-xa-ma-ly. Gốc cây ấy to bảy do tuần, ăn sâu xuống đất hai mươi do tuần, thân cao một trăm do tuần, cành lá che khắp năm mươi do tuần. Phía Đông của cây có rồng và chim Đại bàng sanh bằng trứng. Phía Nam của cây có con rồng và chim Đại bàng sanh bằng thai. Phía Tây của cây có rồng và chim Đại bàng sanh bằng ả thấp. Phía Bắc của cây có rồng và chim Đại bàng sanh bằng biến hóa, xung quanh cây đều có cung điện, chu vi sáu trăm do tuần, tường vách bảy lớp trang hoàng bằng bảy báu, hương thơm bay xa, các chim cùng hót. Lại chúa chim Đại bàng sanh bằng trứng khi đục phát khởi nắm lấy rồng sanh bằng trứng rồi bay đến trên cành cây lớn Cư-tra-xa-ma-ly phía Đông, nhìn nước biển lớn rồi bay xuống, hai cánh quạt biển lớn làm nước tràn ra hai trăm do tuần. Ở đó, ấp rồng sanh bằng trứng, đem ra biển tùy ý mà ăn. Chúa chim đại bàng sanh bằng trứng chỉ có thể lấy được rồng sanh bằng trứng, chứ không thể lấy được rồng sanh bằng thai, thấp, hóa. Nếu chim đại bàng sanh bằng thai muốn lấy rồng sanh bằng trứng thì phải trở về biển phía Đông của cây mới lấy được. Chim sanh bằng thai muốn lấy rồng sanh bằng thai thì phải hướng đến trong biển phía Nam của cây mới lấy được. Khi nước dâng tràn bốn trăm do tuần nên chúa chim sanh bằng thai đó chỉ có thể lấy được rồng sanh bằng trứng và thai, không thể lấy được rồng sanh bằng ả thấp và biến hóa.

Chúa chim đại bàng sanh ả thấp muốn lấy rồng sanh bằng trứng thì phải về biển phía Đông của cây lấy ăn. Lại chúa chim đại bàng sanh ả thấp muốn lấy rồng sanh bằng thai thì đến trong biển phía Nam của cây lấy ăn, nước tràn lên bốn trăm do tuần, chúa chim đại bàng sanh ả thấp muốn lấy rồng sanh ả thấp thì hãy đến trong biển phía Tây của cây để lấy, nước tràn khắp tám trăm do tuần, chúa chim đại bàng sanh ả thấp chỉ có thể lấy những con rồng sanh bằng trứng, thai và ả thấp.

Chúa chim đại bàng sanh bằng biến hóa muốn lấy rồng sanh bằng trứng liền đến trong biển phía Đông của cây mà lấy. Nếu muốn lấy rồng sanh bằng thai thì phải đến biển phía Nam của cây mà lấy. Nếu muốn lấy rồng sanh ả thấp thì đến biển phía Tây của cây mà lấy. Nếu muốn lấy rồng sanh bằng biến hóa thì phải đến biển phía Bắc của cây mà lấy, nước tràn lên một ngàn sáu trăm do tuần, các rồng đều bị chim đại bàng ăn hết.

Kinh Quán Phật Tam Muội, Đức Phật dạy: Trong cõi Diêm phù đề và Tứ thiên hạ có chim đại bàng gọi là Ca-lâu-la-vương nhanh nhẹn

và tự tại nhất trong các loài chim. Nghiệp báo của chim này là ăn loài rỗng, ở cõi Diêm phù đề mỗi ngày ăn một rỗng chúa và năm trăm rỗng nhỏ, ngày thứ hai ở Phất-ba-đề, ngày thứ ba ở Cù-da-ni, ngày thứ tư ở Uất-đơn-việt đều ăn như ngày đầu, cứ ăn xoay vòng như vậy, trải qua tám ngàn năm. Lúc đó, chim tướng chết đã hiện, các rỗng nhả độc trong thân không sao ăn được. Chim đại bàng đói khát cồn cào, khắp nơi lo sợ tìm cầu nhưng không được, lại bay qua các núi nhưng hoàn toàn chẳng được an ổn, đến núi kim cang dừng nghỉ một chút, hạ xuống ngay bên bờ nước lớn, từ bờ nước lớn lại gặp gió xoáy cuốn lại núi kim cang, cứ như vậy cho đến bảy lần, sau đó qua đời. Khi chim đó qua đời, vì những chất độc trong nó làm cho núi mười sáu cùng lúc lửa bốc cháy. Khi ấy, Nan Đà-long-vương sợ núi này cháy liền tuôn mưa lớn thấm sâu, xoáy quanh thân chim như trục xe, làm thịt tan rã, chỉ còn quả tim, lại bảy lần lên xuống như trước, sau đó trở về đỉnh núi Kim cang. Nan Đà-long-vương lấy trái tim của chim để làm minh châu, còn Chuyển Luân vương lấy làm ngọc như ý.

Kinh Lôu Thán dạy: Các rỗng trong đời lấy ba sức nóng để thiêu đốt, nhưng A-nậu-đạt-long-vương không dùng ba sức nóng đó để thiêu. Một long vương khác làm nóng cát rồi tuôn xuống trên thân, khiến thân thiêu cháy rất đau đớn. Hai là long vương khác khi khởi lên tướng dâm thì bị gió nóng thổi đến trên thân khiến thân bị thiêu cháy, mất đi nhan sắc, lại bị làm thân rấn, càng lo sợ không vui. Ba là long vương khác bị chim đại bàng ăn, tất cả đều hoảng hốt lo sợ, các con rỗng khác trong đời đều bị độc hại làm nóng bức, chỉ có A-nậu-đạt-long-vương không bị nóng.

Luật Thiện Kiến, Đức Phật dạy: Rỗng có năm việc, không từ bỏ thân rỗng. Những gì là năm? Một là khi hành dâm, nếu hành dâm cùng với rỗng thì lại sanh thân rỗng, nếu hành dâm với người thì không được làm thân rỗng. Hai là lúc thọ sanh không xa lìa thân rỗng. Ba là khi lột da. Bốn là khi ngủ nghỉ. Năm là lúc chết. Năm việc này không thể từ bỏ thân rỗng.

Hỏi: Bốn loại thức ăn tóm thâu như thế?

Đáp: Như trong luận Tỳ đàm tóm tắt có sáu đường đều có bốn thứ thức ăn, nhưng có rộng, hẹp khác nhau, như trong địa ngục có đoàn thực là nuốt hòn sặc nóng, uống nước đồng sôi, tuy làm cho khổ tăng lên nhưng để trừ đói khát, gọi là đoàn thực. Lại trong địa ngục trời buộc nhẹ hơn đều có lạnh và ấm, hai ngọn gió cùng thổi xoáy vào thân, cũng gọi là đoàn thực, chỉ hai cõi trên không có đoàn thực, vì thân của họ nhẹ

nhàng. Luận kệ:

*Bốn thức ăn Dục giới
Bốn đường sanh cũng vậy
Thức ăn hai cõi trên
Có ba, đoàn thực không.*

Hỏi: Chưa biết trong sáu đường, sao biết tăng thêm thức ăn?

Đáp: Như trong luận Tỳ đàm nói: Ở trong sáu đường: Quỷ hoàn toàn là loài sanh bằng trứng, bao gồm cả ba vô sắc trước, đều là thức ăn tăng thêm sự suy nghĩ. Vì sao? Vì trong đường ngạ quỷ ý làm việc nhiều hơn. Chúng sanh sanh bằng trứng, khi ở trong vỏ trứng, do nhớ nghĩ mẹ nên trứng không hư, ba Vô sắc trước cũng như ý, vận hành tư duy nhiều. Vì thế, tất cả đều lấy suy nghĩ làm thức ăn để lớn lên. Loài người và trong cõi trời Lục dục đều do đoàn thực mà lớn lên. Vì sao? Vì chủ yếu nhận thức ăn để nuôi sống thân mạng; hết thấy ở trong địa ngục và cõi Phi tưởng đều lấy thức làm thức ăn để lớn lên. Vì sao? Vì ở trong địa ngục, thức duy trì danh, sắc. Trong cõi Phi tưởng lấy thức để giữ danh. Ở trong cõi sắc cùng với sanh ẩm thấp đều lấy xúc làm thức ăn để lớn lên. Vì sao? Vì trong cõi sắc tu tập thiền định, do lạc và xúc duy trì thân; trong loài sanh ẩm thấp, do tiếp xúc với ẩm thấp (nóng lạnh) để duy trì thân mạng.

Thứ 4: Duyên sanh vào năm đường

Luận Địa trì dạy: Bồ tát sanh có năm cách, an trú trong tất cả hạnh, an lạc tất cả chúng sanh. Một là sanh để dứt khổ. Hai là tùy loài mà sanh. Ba là sanh tối thắng. Bốn là sanh tăng thượng. Năm là sanh sau cùng.

Bồ tát do năng lực của nguyện nên gặp đời đói khát chịu làm thân cá lớn, lấy thịt cứu giúp chúng sanh. Lúc đời bệnh tật thì làm thầy thuốc giỏi, trị các bệnh. Ở đời chiến tranh thì làm vua có năng lực mạnh, cứu giúp để dứt trừ chiến tranh, đem pháp giáo hóa cho người tà kiến và kẻ làm ác. Như vậy, Bồ tát sanh trong đó vô lượng, gọi là sanh để diệt khổ. Bồ tát do năng lực nguyện tự tại nên với tất cả chúng sanh, trời, rồng, quỷ thần cùng nhau tranh loạn, các ngoại đạo khởi lên tà kiến, Bồ tát thường sanh trong đó luôn làm người dẫn đường, thuyết giảng rộng rãi khiến cho họ vào chánh pháp. Đây gọi là tùy loại mà sanh. Bồ tát do tánh thọ sanh, hơn hẳn các quả báo thân sắc và thọ mạng ở thế gian, gọi là sanh tối thắng. Bồ tát từ an trú tâm thanh tịnh, cho đến tối thượng Bồ tát trú, ở cõi Diêm phù đề tự tại thọ sanh khắp nơi thật đặc biệt, gọi là

sanh tăng thượng. Bồ tát tối thượng an trú thọ sanh điều phục đầy đủ các tăng thượng của nghiệp Bồ đề, sanh vào nhà Sát-lợi, Bà-la-môn chứng đắc quả Vô thượng Bồ đề, làm tất cả phật sự, gọi là sanh tối hậu. Bồ tát ba đời đều thọ sanh bằng năm loại này. Ngoài ra nhân Vô thượng này thì nhanh chóng chứng đắc quả Bồ đề Vô thượng.

Luận Du Già dạy: Các Bồ tát thọ sanh tóm lược có năm loại, thâm tóm các sự sanh. Tất cả Bồ tát thọ sanh đều không có tội, lợi ích an lạc cho tất cả chúng sanh. Những gì là năm? Một là sanh để trừ các tai ương. Hai tùy theo loài mà sanh. Ba là sanh có năng lực lớn. Bốn là sanh tăng thượng. Năm là sanh tối thắng. Bồ tát gặp những đối khát chịu làm thân cá lớn, cứu giúp chúng sanh, khiến cho no đủ, hoặc lúc bệnh dịch thì làm thầy thuốc giỏi, trị các bệnh. Ở đời chiến tranh thì dùng phương tiện thiện xảo năng lực mạnh, dứt trừ chiến tranh, hoặc có vua ác trị phạt phi pháp, thì dùng nguyện lực thương xót tất cả, hoặc khởi tà kiến để diệt tà ác. Đây gọi là nói tóm lược sanh để diệt trừ các tai ương ngang tàn. Hoặc có Bồ tát dùng nguyện lực sanh đến các loài khác, dùng phương tiện giáo hóa. Đây gọi là nói tóm lược sanh tùy theo loài. Hoặc có Bồ tát sanh theo bản tánh để thích nghi với thọ mạng, hình dáng kích thước, màu sắc, dòng họ, tự tại giàu có thật là thù thắng, làm việc để lợi người và mình. Đây gọi là nói tóm lược thọ sanh có thể lực lớn. Hoặc có Bồ tát an trú trong mười cõi, làm mười vị vua đặc biệt hơn người. Khi thành tựu rồi, do nghiệm này mà cảm ứng được tăng thượng. Đây gọi là nói tóm lược thọ sanh tăng thượng. Hoặc có Bồ tát sanh ở trong đây, tư lương Bồ đề quá viên mãn, hoặc sanh vào nhà của nước lớn mạnh giàu có, có thể hiểu biết và làm những Phật sự. Đây gọi là nói tóm lược thọ sanh tối thượng. Nếu các Bồ tát ở trong đời quá khứ, vị lai, hiện tại thanh tịnh, hiền từ sanh đến các nơi tốt lành đều thuộc vào năm loại sanh này, ngoài ra không ngoài năm loại này, chỉ trừ ở phàm phu Bồ tát mới thọ sanh. Vì sao? Vì ý trong này biết được sự thọ sanh của Bồ tát, là y báo của quả vị đạị Bồ đề, khiến cho các Bồ tát mau chứng Bồ đề.

Thứ 5: Duyên Trung ấm

Luận Tân bà sa dạy: Trung ấm có nhiều tên gọi hoặc là Trung hữu, Kiện đạị phước, Cầu hữu, Ý thành. Hỏi: Sao gọi là Trung hữu?

Đáp: Trung hữu có mặt sau khi chết và trước khi sanh, khoảng giữa thời gian đó có tự thể sanh.

Hỏi: Sao Trung hữu gọi là Kiện đạị phước?

Đáp: Vì thức ăn của nó bằng hương để tồn tại. Tên này chỉ thuộc

về trung hữu côi Dục.

Hỏi: Sao Trung hữu gọi là Cầu hữu?

Đáp: Trong sáu cửa, cầu có sanh.

Hỏi: Sao Trung hữu gọi là Ý thành?

Đáp: Do ý mà sanh, nghĩa là các hữu tình từ ý mà sanh hay từ nghiệp mà sanh, hay do dị thực mà sanh, hay từ dâm dục mà sanh. Từ ý sanh là kiếp ban đầu của con người với các trung hữu côi Sắc và Vô sắc thân đều do biến hóa. Từ nghiệp sanh là các địa ngục, như Khế kinh dạy: Địa ngục hữu tình chúng sanh là bị nghiệp trói buộc không thể thoát khỏi, do nghiệp mà sanh, không do ý thích. Từ dị thực sanh là như loài chim bay và quỷ thần, do năng lực của dị thực mạnh nên nhẹ khỏe có thể bay trên hư không, sườn núi ngăn chặn cũng không bị trở ngại. Từ dâm dục sanh là côi trời Lục dục và loài người. Các thân Trung hữu từ Ý sanh là cố dựa ý vận hành nên gọi là Ý thành.

Theo luận Bà Sa, hỏi: Các căn Trung hữu đủ hay không?

Đáp: Tất cả Trung hữu các căn đều đủ. Ban đầu thọ Dị thực chắc chắn viên mãn. Có thuyết nói không đủ. Như các dấu ấn, ấn vào các vật hiện lên hình giống. Như thế Trung hữu phản ánh hưởng đến bản hữu. Nếu khi bản hữu các căn không đổi, thì theo lý của thuyết đầu tiên lại tốt. Chỗ Trung hữu ở sáu nơi, cầu sanh khắp cả, nên các căn chắc chắn đầy đủ. Ở đây nói như mắt... chẳng phải căn của nam nữ. Côi Sắc Trung hữu không có các căn đó. Côi Dục Trung hữu các căn đó cũng không nhất định, nên thọ sanh bằng hai cách trứng và thai. Chỗ Trung hữu trú có căn nam và nữ. Trong thai và trứng thì không đủ các căn. Nếu không như vậy thì không có nghĩa thọ sanh bằng trứng, bằng thai.

Hỏi: Hành tướng Trung hữu trong các đường là thế nào?

Đáp: Ở địa ngục Trung hữu đầu xuống dưới chân lên trên hưởng về địa ngục. Tụng nói:

*Diên đảo đọa địa ngục
Chân trên đầu quay xuống
Do hủy báng các Tiên
Thích tịnh tu khổ hạnh.*

Trung hữu ở các côi trời này chân dưới mà đầu trên, như người dùng tên bắn lên hư không bay thẳng lên không vận hành, trụ ở sáu đường, còn thân Trung hữu các đường khác thì đi ngang, như chim bay lên hư không đi đến chỗ ở. Như trên tường vẽ vị tiên bay, nhắc thân đưa tay bên thân vị ấy mà tìm chỗ sẽ sanh.

Hỏi: Hành tướng của Trung hữu đều như vậy chăng?

Đáp: Không nhất định như vậy. Vả lại nói con người qua đời chết ở địa ngục lại sanh vào địa ngục, không nhất định đi đầu dưới chân trên. Nếu chết trong cõi trời lại sanh vào cõi trời không thẳng chân dưới đầu trên để đi. Nếu chết ở địa ngục sanh vào loài người phải đầu ở trên để bay lên. Nếu chết ở cõi trời sanh vào loài người thì đầu quay xuống dưới. Trung hữu của hai đường ngạ quỷ và bàng sanh tùy chỗ trú, nên biết như vậy.

Theo luận hỏi: Khi Trung hữu sanh có y (quần áo) không?

Luận đáp: Trung hữu ở cõi Sắc tất cả đều có y. do trong cõi Sắc có nhiều hổ thẹn. Tầm quý là y phục của pháp thân. Như pháp thân đủ y phục thù thắng, thân sanh ra cũng vậy, nên Trung hữu đó thường có đầy đủ y. Trung hữu cõi Dục phần nhiều không có y. Vì trong cõi Dục không có tầm quý chỉ trừ Bồ tát và Tỳ-kheo ni thanh tịnh. Trung hữu luôn được thọ nhận có y phục đẹp, có một số Thầy khác nói: Thân Trung hữu của Bồ tát thì không có y, riêng các Tỳ-kheo ni thanh tịnh được thọ Trung hữu, luôn có y đầy đủ.

Hỏi: Do duyên gì mà Trung hữu của Bồ tát không có y mà Tỳ-kheo ni thanh tịnh có y?

Đáp: Tỳ-kheo ni thanh tịnh đã từng dâng y phục cúng dường Tăng bốn phương, nên Trung hữu đó thường có y phục.

Hỏi: Bồ tát sanh ở quá khứ lấy y phục tốt đẹp cúng dường Tăng bốn phương, những Tỳ-kheo ni thanh tịnh cũng được y ấy, dù nghiên nhỏ làm bụi trần, y cúng dường của Tỳ-kheo ni vẫn không sánh bằng. Vì sao thân Trung hữu của Bồ tát không có y, mà những Tỳ-kheo ni ấy lại có y?

Đáp: Do nguyện lực của Tỳ-kheo ni đó khác Bồ tát. Nghĩa là Tỳ-kheo ni thanh tịnh dùng y cúng dường Tăng bốn phương, phát nguyện: Nguyện con đời đời luôn mặc y phục cho đến thân trung hữu cũng không lộ thân. Do nguyện lực này nên sanh ở nơi nào luôn có nhiều y phục, thân sau cùng của họ thọ Trung hữu cũng luôn có y phục, vào trong thai mẹ cho đến ra đời y không lìa thân. Thân những vị đó lớn dần lên, rồi xuất gia thọ giới Cụ túc liền được năm y, chuyên tu chánh hạnh, chẳng bao lâu đắc quả A-la-hán cho đến sau khi nhập Niết bàn dùng y cột thân thiêu đốt. Bồ tát ở vô số kiếp trong ba đời quá khứ đã tu tập tất cả những việc lành tối thắng đều hồi hướng quả vị Bồ đề Vô thượng, lợi ích an lạc cho các hữu tình. Do hạnh nguyện ấy, tuy thấy tướng hảo mà không thấy y phục. Nguyện lực có khác không nên làm khó! Theo luận hỏi: Ở trong thân Trung hữu có nhờ đoàn thực không?

Đáp: Trung hữu côi Sắc không nhờ đoàn thực. Thân Trung hữu côi Dục chắc chắn nhờ đoàn thực.

Hỏi: Đoàn thực của Trung ấm côi Dục thế nào?

Có thuyết nói: Trung ấm côi Dục đến nơi có thức ăn liền ăn thức ăn của nó, đến nơi có nước liền uống nước của nó. Do ăn uống ấy để mình được sống. Ở đây nói phi lý, vì sao? Vì Trung hữu rất nhiều khó cho khắp. Trong kệ kinh dạy: Như đổ từ những bao lúa ít nhựa nếu bỏ vào trong chảo nấu thành rất nhiều mật mà chúng sanh năm đường thọ Trung hữu quá nhiều, phân tán khắp nơi, số đó nhiều vô lượng quá hơn thế nữa. Nếu thân Trung hữu thọ nhận các thức ăn uống thì tất cả thế gian đều có ăn uống, chỉ dùng cho thân Trung hữu của loài chó cũng không đủ, huống nữa các thân Trung hữu khác mà đầy đủ. Lại thân Trung hữu rất nhỏ, nếu ăn thức ăn nhiều, thô thì thân phải hủy hoại. Nên nói: Thức ăn của Trung hữu là hương, chẳng phải ăn chất thô sơ, nên không sai lầm như thuyết trước. Nghĩa là: Trung hữu có phước thích hưởng hoa quả sạch ngon, khí hương thơm nhẹ nhàng, để tự nuôi sống. Trung hữu không có phước, ham thích thức ăn tanh hôi, thối rã, khí hương nhẹ ít để tự nuôi sống, lại những thức ăn đó, khí (hơi) rất ít, Trung hữu tuy nhiều nhưng cung cấp vẫn đủ.

Theo luận dẫn chứng ở trong kinh, Thế Tôn nói: Ba việc hòa hợp để vào thai mẹ. Cha mẹ hòa hợp với tâm ô nhiễm, thân mẹ điều thích không có bệnh, đúng thời, Kiện-đạt-phước có mặt đúng lúc. Lúc ấy, Kiện-đạt-phước hai tâm nối tiếp hiện vào thai mẹ. Ba việc hòa hợp trong đây là: Một là cha mẹ đều thích hòa hợp. Hai là thân mẹ đúng thời thích ứng. Ba là Kiện-đạt-phước đúng lúc xuất hiện. Cha mẹ cùng hòa hợp với tâm nhiễm ô là cha mẹ đều khởi thích dâm mà cùng giao hội. Thân mẹ thích ứng đúng thời là mẹ khởi lên ưa thích, thân tâm vui thích, gọi là thân điều thích. Trì luật nói: Do mẹ khởi lên ưa thích, thân tâm vẫn đục nhiễm, như mùa Xuân, Hạ nước dơ chảy mãi không thể ngăn được, gọi là thân nhiễm ô. Bụng mẹ tốt lành không bị phong gió cảm nóng làm khó chịu, nên gọi là vô bệnh. Do trong chín tháng hay mười tháng này luôn giữ thai không để tổn hại. Nói đúng thời là, người mẹ có bất tịnh dơ uest, mấy ngày trong tháng thường xuất huyết, hoặc quá nhiều, hay do ít ẩm ướt nên thai không thành. Nếu quá ít, do khô quá đặc nên thai không thành. Nếu xuất huyết này không nhiều, không ít, không khô, không ẩm mới thành thai, gọi là đúng thời. Trung hữu này khi vào thai, mẹ xuất huyết lúc sau cùng còn lại hai giọt, tinh cha sau cùng còn một giọt hòa hợp liên tục mới thành thai. Kiện-đạt-phước xuất

hiện đúng lúc là Trung hữu, xuất hiện đúng ngay lúc này chẳng phải nơi nào khác, chẳng trước, chẳng sau. Kiện-đạt-phước này lúc đó hai tâm tuần tự hiện ra. Nhập vào thai tạng là khi Kiện-đạt-phước sắp vào thai đối với cha, mẹ hai tâm thương và giận nối tiếp nhau khởi lên mới được thai. Nếu Trung hữu của người nam khi sắp vào thai đối với cha thì giận mà mẹ thì thương.

Theo luận hỏi: Trung hữu ở đâu mà vào thai mẹ?

Có thuyết nói: Trung hữu không ngăn ngại, tùy theo chỗ ưa thích mà nhập vào thai.

Hỏi: Nếu thân Trung hữu không bị chướng ngại thì sao nương vào thai mẹ mà trú?

Đáp: Bị nghiệp lực trói buộc, nên trú ở đó. Nghiệp lực của chúng sanh không thể nghĩ bàn, không có vật gì làm chướng ngại. Vì thế, ở đây không nên làm khó. Phải nói như vậy: Trung hữu vào thai nhất định ra từ cửa sanh là chỗ ái, do nghĩa lý này nên có các song sanh(?), đứa sanh sau thì lớn. Vì sao? Vì vào thai trước thì chắc chắn phải sanh ra sau.

Hỏi: Trung hữu của Bồ tát nhập thai ở nơi nào?

Đáp: Vào nách (hông) phải, biết đúng lúc (chánh tri) nhập thai, đối với tướng của mẹ không thích dâm. Lại có người nói: Vào từ cửa sanh, các cách sanh bằng trứng hay bằng thai cũng như vậy.

Hỏi: Trung hữu đời trước của Luân vương, Độc giác khi vào thai chỗ nào?

Đáp: Vào nách phải, biết đúng nhập thai, đối với tướng của mẹ không thích dâm. Lại có người nói: Vào từ cửa sanh, các cách sanh bằng trứng hay bằng thai cũng như vậy.

Có thầy khác nói: Phước trí của Bồ tát thật tối thượng, nên khi sắp nhập thai không có tướng điên đảo, không khởi thức dâm. Luân vương, Độc giác tuy có phước trí nhưng chẳng tối thượng, khi sắp vào thai tuy không có tướng điên đảo mà có khởi thích dâm, nên khi vào thai thì phải cửa sanh mà vào.

Dẫn chứng theo luận Thi Thiết nói: Nếu cha mẹ đó, nghiệp phước tăng thượng mà nghiệp phước của con kém thì không được vào thai. Nếu cha mẹ đó phước mỏng mà nghiệp phước của con dày thì không được vào thai. Điều chính yếu là nghiệp của ba người cha, mẹ và con phải như nhau mới được vào thai.

Hỏi: Nếu chồng giàu có mà hòa hợp với vợ nghèo khổ, hay vợ giàu có mà hòa hợp với chồng nghèo khổ mà sao Trung hữu vẫn được

vào thai?

Đáp: Khi chồng giàu có mà hòa hợp với vợ nghèo khổ, thì chắc chắn trong thân chồng có tướng thấp kém, đối với người vợ sanh tướng cao quý. Khi vợ giàu có mà hòa hợp với chồng nghèo khổ thì chắc chắn trong thân vợ có tướng thấp kém, đối với người chồng sanh tướng cao quý. Khi chồng nghèo khổ mà hòa hợp với vợ giàu có, thì chắc chắn trong thân chồng có tướng cao quý, đối với người vợ sanh tướng thấp kém. Khi vợ nghèo khổ mà hòa hợp với chồng giàu có thì chắc chắn trong thân vợ có tướng cao quý, đối với người chồng sanh tướng thấp hèn. Con sắp vào thai cha mẹ cũng phải biết như vậy, nên khi vào thai cũng có những ngĩa như nhau.

Lại theo Luận hỏi: Trung hữu rất vi tế, tất cả vách, tường núi cheo leo, cây cối đều không thể ngăn ngại, vậy Trung hữu chỗ này, chỗ kia có ngăn ngại nhau không? Có người nói: Trung hữu này, kia cũng không có ngăn ngại nhau. Vì tướng rất là nhỏ nên khi tiếp xúc với thân không thể nhận biết. Lại có thuyết nói: Trung hữu này và kia đều có ngăn ngại nhau, vì khi chúng gặp nhau, lần lượt có nói năng.

Hỏi: Như thế sao nói Trung hữu vô ngại?

Đáp: Ở chỗ khác thì vô ngại, không phải gọi Trung hữu.

Hỏi: Trung hữu này, kia đều ngăn ngại nhau chăng?

Đáp: Cùng loài mới ngăn ngại, chẳng phải khác loài. Trung hữu ở địa ngục chỉ ngăn ngại Trung hữu địa ngục, cho đến Trung hữu cõi trời thì ngăn ngại Trung hữu cõi trời. Lại có thuyết nói: Trung hữu yếu ngăn ngại mạnh, vì thô, nặng. Mạnh không ngại yếu kém vì nó rất nhỏ nhẹ. Nghĩa là Trung hữu ở địa ngục ngăn ngại Trung hữu năm loài. Trung hữu của bàng sanh ngăn ngại Trung hữu bốn loài. Trung hữu của ngã quý ngăn ngại Trung hữu ba loài. Trung hữu của người ngăn ngại Trung hữu hai loài. Trung hữu của trời chỉ ngăn ngại Trung hữu trời.

Kinh Chánh Pháp Niệm dạy: Có mười bảy pháp Trung ấm hữu. Người nên niệm để tu đạo tịch diệt, hoặc trời, hoặc người nhớ nghĩ đạo này mệnh chung không lo sợ Diêm la làm tổn hại. Những gì là mười bảy pháp Trung ấm hữu?

Một là, nếu loài người chết sanh lên cõi trời thì thấy ưa thích tướng Trung ấm, như vải trắng rũ xuống trên đất, trắng tinh mềm mại, thấy vườn rừng, hồ hoa, nghe ca múa đùa giỡn, lại nghe các mùi hương, tất cả đều ưa thích, vô lượng các vật hòa hợp, mới tiếp xúc liền sanh ở cõi trời. Do nghiệp thiện mà hiện tại được nhạc trời, sắc thái dung mạo, hân hoan thanh tịnh, bà con anh em khóc lóc, vì tướng thiện nên không

nghe không thấy, tâm cũng không nhớ nghĩ. Khi qua đời, bắt đầu sanh vào chỗ an lạc, thân trời tương tự như đóng dấu hành văn, thấy nơi tốt đẹp cõi trời, liền sanh ưa thích cảnh, nên thọ được làm thân trời. Đây gọi là Trung ấm hữu sanh đầu tiên.

Thứ hai Trung ấm hữu là, nếu người ở cõi Diêm phù đề, qua đời sanh vào Uất đơn việt thì thấy vải đỏ mỏng mềm, nên ưa thích màu sắc, liền sanh tâm tham, dùng tay nắm lấy dơ tay quờ quạng hư không, bà con cho là hai tay tìm không (tay bắt chuồn chuồn!). Lại có gió thổi, nếu người bệnh này khi mùa Đông lạnh thì gió ấm thổi đến làm hết khổ lạnh, nếu gặp lúc nóng bức thì gió thổi đến khiến cho tươi mát, vì vậy tâm an vui. Do tâm duyên nên không nghe tiếng khổ khóc lóc bi thương. Nếu nghiệp đó động thì tâm cũng động, nghe tiếng than khóc của họ thì gió thổi sanh đi nơi khác. Vì thế, bà con qua đời khóc lóc thật là chướng ngại. Nếu không ngại thì sẽ sanh vào Uất đơn việt, trong đó dần dần xuất hiện các tướng tốt lành, thấy hồ sen xanh, ngỗng, vịt, uyên ương đủ trong hồ, liền chạy đó vui chơi, muốn vào thai mẹ là từ hồ hoa đó, đi đến trên gò đất, thấy cha mẹ giao hợp, thích thú, do bất tịnh, vì thấy diên đảo thấy thân của cha mình là con ngỗng đực, mẹ là ngỗng cái. Nếu sanh con trai thì tự thấy thân đó thành ngỗng đực. Nếu sanh con gái thì tự thấy thân thành ngỗng cái. Nếu sanh con trai thì thấy cha ngại, nhưng thấy mẹ thì thương. Nếu sanh con gái thì thấy cha, thương, nhưng thấy mẹ thì ngại. Ấy gọi là sanh Trung ấm hữu thứ hai ở Uất-đơn-việt.

Trung ấm hữu thứ ba là, nếu người chết trong cõi Diêm phù đề thì sanh đến Ngưu hóa châu có tướng hiện ra. Khi qua đời thấy phòng nhà đều màu vàng giống như vàng ròng che khắp như mây, thấy tấm vải màu vàng đưa tay nắm lấy. Bà con anh em nói người bệnh hai tay nắm hư không. Người này bây giờ việc lành sắp hết, thấy thân như trâu, thấy đàn trâu như thấy trong mộng. Nếu sanh con trai thì thấy cha mẹ hòa hợp hành bất tịnh, tự thấy thân mình có nhiều nhà cửa, thấy tướng người cha giống như trâu đực, liền trừ khử người cha giao hợp với mẹ. Nếu sanh con gái, tự thấy thân mình như tướng trâu mẹ liền nghĩ: Vì sao trâu đực cùng hòa hợp với trâu cái đó mà không cùng với ta. Nghĩ như vậy rồi, thọ làm thân nữ Ấy gọi là sanh Trung ấm hữu thứ ba ở Ngưu hóa châu.

Trung ấm hữu thứ tư là, nếu người chết trong cõi Diêm phù đề thì sanh đến cõi Phát Bà Đề thì có các tướng hiện ra, thấy tấm vải màu xanh, một màu xanh che trùm tất cả hư không, thấy phòng nhà như hư không, sợ tấm vải màu xanh đó, ẩn trốn dùng tay ngăn lại ngăn lại, bà

con nói là người chết gần hư không, liền mạng chung, thấy thân trung ấm giống thân con ngựa, tự thấy cha mình như ngựa đực, mẹ như ngựa cái, cha mẹ hòa hợp hành bất tịnh. Nếu sanh con trai liền nghĩ: Ta sẽ cùng hòa hợp với ngựa cái đó. Nếu sanh con gái, tự thấy thân mình như tướng ngựa cái liền nghĩ: Vì sao ngựa đực đó không cùng với ta hòa hợp với ta. Nghĩ như vậy rồi, thọ làm thân nữ. Ấy gọi là sanh Trung ấm hữu thứ tư của Phất-ba-đề.

Trung ấm hữu thứ năm là, nếu người Uất đôn việt khi qua đời, thấy tướng đi lên trên. Nếu nghiệp của trời thì tự tại lên cõi trời, dùng tay nắm hư không như thấy trong mộng, mùi hương hoa thơm lừng, sắc đẹp tuyệt hảo nhất nắm trong tay. Khi thấy hoa sanh tham. Hôm nay, thấy cây này ta sẽ bay lên. Nghĩ như vậy rồi, liền ở trên cây đó rồi bay lên núi Tu di, thấy hoa quả tốt đẹp của cõi trời, ta sẽ dạo chơi. Đây là thọ thân Trung ấm thứ năm phẩm hạ của người Uất-đôn-việt.

Trung ấm hữu thứ sáu là, nếu người Uất-đôn-việt do nghiệp trung khi qua đời, muốn sanh lên cõi trời thì có tướng hiện ra, thấy hồ hoa sen quá thích thú, các loài ong đẹp. Tất cả hương thơm hoa sen tỏa ra. Chỉ trong chốc lát theo hư không bay lên giống như sanh lên cõi trời trong mộng, liền nghĩ như vậy: Hôm nay, ta sẽ đến hồ sen tuyệt đẹp ấy. Đây là thọ thân Trung ấm thứ sáu phẩm trung của người Uất-đôn-việt.

Trung ấm hữu thứ bảy là, nếu người Uất-đôn-việt do nghiệp trội hơn sanh lên các pháp đường lành của cõi trời Ba mươi ba. Khi qua đời, thấy các pháp đường tuyệt đẹp, trang nghiêm, thù thắng. Bấy giờ, người ấy liền bay lên pháp đường tối thắng, sanh vào cung điện đó làm con vị trời. Đây là thọ sanh Trung ấm thứ bảy phẩm thượng trên cõi trời của người Uất-đôn-việt.

Trung ấm hữu thứ tám là, nếu người Uất-đôn-việt khi qua đời, thấy tướng hiện vào nơi vườn rừng vui chơi, hương thơm tinh khiết đáng yêu, nghe nhạc vui, không có nhiều khổ não, tâm người ấy không ô nhiễm. Nhờ tâm thanh tịnh mà bay lên cung điện trên hư không, thấy chư thiên đều lui tới trên không, như thấy trong mộng, rất thích Ba mươi ba cõi trời tuyệt đẹp, có đầy đủ năm dục. Từ Uất-đôn-việt chết sanh trong trời này. Đây gọi là người Uất-đôn-việt sanh đến cõi trời này, tập theo vui chơi, và tướng khi chết này là Trung ấm hữu thứ tám.

Trung ấm hữu thứ chín là, nếu người Cù-da-ny khi qua đời, sanh vào cõi trời có hai loại nghiệp. Những gì là hai? Một là nghiệp còn sót lại. Hai là nghiệp sanh. Sanh lên cõi trời, người này khi mạng chung thì có tướng hiện ra, nhờ nghiệp lành nên khi qua đời ở khí huyết nơi cổ

sạch sẽ, gân mạch không bị đứt hại, các căn thanh tịnh, thấy hồ nước lớn mênh mông chảy êm đềm xuống, trôi nổi đến bờ bên kia. Khi đến bờ rồi, thấy các thiên nữ xinh đẹp nhất, trang sức đủ thứ, vui cười ca múa. Người này thấy vậy, tâm tham muốn gần gũi, ôm người nữ, liền sanh vào cõi trời hưởng khoái lạc. Như mộng, Trung ấm liền diệt mất. Đây gọi là Trung ấm hữu thứ chín.

Trung ấm hữu thứ mười là, nếu người Phát-ba-đề khi qua đời, thấy các tướng chết, thấy nghiệp của mình và của người, hoặc thấy cung điện pháp đường trang nghiêm thù thắng, tâm ưa muốn, muốn đến gần thọ sanh thấy bên ngoài, cung điện có các thể nữ và các người đàn ông cùng ca hát khoái lạc. Lúc ấy Trung ấm hữu suy nghĩ muốn được cùng vui, liền vào trong chúng giống như ngủ mới tỉnh dậy liền sanh lên cõi trời. Đây gọi là Trung ấm hữu thứ mười.

Trung ấm hữu thứ mười một là các nghiệp ác của ngạ quỷ đã hết, thọ các nghiệp thiện khác, vốn làm các việc thiện ở các đạo khác cũng như đạo kính cha mẹ, muốn sanh vào cõi trời thì có tướng hiện ra. Nếu chết trong ngạ quỷ muốn sanh lên trời thì ở trong ngạ quỷ thân bị đốt cháy đói khát, thường thích muốn ăn, luôn nhớ cháo hồ. Khi qua đời, không niệm nhớ lại, niệm cũ đều diệt, tất cả các nghiệp ác đều không gần gũi, tuy thấy cơm nước chỉ nhìn, như người trong mộng, thấy ăn mà không uống, thấy cõi trời ưa thích liền chạy đến đó, ở đó tức sanh trên cõi trời. Đây gọi là Trung ấm hữu thứ mười một.

Trung ấm hữu thứ mười hai là ngu si nên chịu thân súc sanh đủ vô lượng loài, trải qua trăm ngàn ức thọ thân sanh tử, rơi vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh xoay vần ở thế gian không cùng tận. Nhờ các nghiệp thiện trong súc sanh còn sót lại nên khi chết sanh đến hai cõi trời, hoặc sanh cõi trời Tư thiên vương thiên, hoặc sanh vào cõi trời thứ ba mươi ba, ở trong đường ác súc sanh khi khổ báo muốn hết, thân sắp được thoát khỏi thì có các tướng hiện. Lúc qua đời thấy ánh sáng hiện ra, nhờ nghiệp thiện còn sót lại mà tâm si mỏng ít, hoặc thấy chỗ an vui liền chạy đến như thấy cảnh trong mộng, lúc đến đó liền sanh cõi trời. Đây gọi là Trung ấm hữu thứ mười hai.

Trung ấm hữu thứ mười ba là chúng sanh ở địa ngục hiểm rất khó được sanh lên cõi trời, nhân duyên nghiệp thiện còn sót lại đã chín muồi thì người ở địa ngục vì nghiệp hết nên sắp được thoát khỏi. Ở địa ngục khi qua đời thì có các tướng hiện. Lúc qua đời, hoặc ngục tốt ném vào trong chảo cũng như nước bọt tan ra không sanh lại, hoặc dùng cây gậy đánh đến chết cũng không sanh lại, nếu đặt vào hòm sắt, đặt vào liền

chết không sanh lại, hoặc đặt vào trong sông tro, vào rồi tiêu tan không sanh lại, hoặc cầm gậy bằng sắt đánh cho đến chết cũng không sanh lại, hoặc chim sắt ăn rồi không sanh lại, hoặc các thú dữ ăn rồi không sanh lại. Những nghiệp ác của người trong địa ngục này hết. Sau khi qua đời lại không thấy ngục tối ở Diêm la, như dầu tim hết thì đèn tắt. Tướng Trung ấm hữu ở địa ngục không hiện ra, bỗng nhiên trong hư không có các tiếng cười ca múa tuyệt vời, hương gió thổi đến thân hưởng thú vui tuyệt vời, muốn sanh gần nơi đó, hoặc sanh vào cõi trời Thứ Ba mươi ba, hay sanh vào cõi trời Tứ thiên vương. Đây gọi là Trung ấm hữu thứ mười ba.

Trung ấm hữu thứ mười bốn là loài người chết sanh lại người thì hiện ra các tướng, khi qua đời thấy tướng như núi đá lớn, như bóng của núi trên thân. Bấy giờ, người ấy nghĩ: Núi này hoặc rơi trên thân ta, nên lấy tay muốn chống đỡ núi này. Bà con thấy cho rằng người sắp chết tay bám vào hư không, thấy như vậy, lại thấy núi như tấm vải trắng liền bay theo tấm vải đó, lại thấy vải màu đỏ lần lượt qua đời. Lại thấy ánh sáng, thấy cha mẹ kia hòa hợp thương yêu rồi khởi lên điên đảo. Nếu sanh con trai thì thấy thân mình cùng hòa hợp với mẹ, người cha bị ngăn ngại. Nếu sanh con gái thì tự thấy mình hòa hợp với cha, người mẹ ngăn ngại. Lúc đó Trung ấm liền hoại thì Trung ấm khác tuần tự sanh khởi, như dấu ấn đã ấn vào văn bản đã thành. Đây là loài người chết lại sanh vào loài người. Gọi là Trung ấm hữu thứ mười bốn.

Trung ấm hữu thứ mười lăm là trong cõi trời qua đời lại sanh cõi trời trên, tức không có khổ não, như con của trời khác. Khi mạng chung khổ do thân yêu xa lìa nên rơi vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Như con Trời này (thiên tử) không mất thân mình được trang nghiêm đầy đủ, cũng không có trời khác ngồi lại chỗ cũ của họ, mà ngồi ở cõi trời tốt hơn. Như cõi Tứ thiên, sau khi mạng chung lại sanh vào cõi trời Ba mươi ba được tướng tốt đẹp hơn đáng ưa thích. Đây gọi là Trung ấm hữu tướng tục thứ mười lăm.

Trung ấm hữu tướng tục thứ mười sáu là, nếu từ cõi trời trên mà sanh xuống cõi trời dưới, thấy các ao tắm, vườn rừng, hoa sen cũng không sánh bằng, thấy rồi sanh đói khát khổ não, khao khát tham muốn được sanh đến đó. Như vậy, tuy Trung ấm hữu cùng sanh vào hai cõi trời nhưng có hai tướng sanh. Đây gọi là Trung ấm hữu tướng tục thứ mười sáu.

Trung ấm hữu tướng tục thứ mười bảy là, nếu người Phất-ba-đề sanh vào Cù-da-ni có những tướng này. Người ở Cù-da-ni sanh vào

Phất-bà-đề lại có tướng gì? Như vậy, người ở hai thiên hạ cùng sanh cho nhau đều do một tướng, khi qua đời thấy hang toàn đen tối. Ở trong hang này có ánh sáng điện màu đỏ phủ xuống như cờ hoặc đỏ hoặc trắng. Người này thấy những thứ đó rồi đưa tay nắm hết, các ấm liền diệt. Lại dùng tay kéo cờ, theo cờ đó vào hang để thọ thân trung ấm, ấm sanh gần đó, được thọ pháp sanh cũng như trước đã nói. Hoặc thấy hai con trâu, hoặc thấy hai con ngựa giao hợp nhiễm ô tâm sanh tham dục, đã sanh tham dục tức ấm phải sanh. Đây gọi là Trung ấm hữu thứ mười bảy.

Thứ 6: Duyên thọ thai

Luận Thiện kiến dạy: Người nữ muốn mang thai, khi Nguyệt hoa thủy xuất ra, ở đây gọi là huyết. Khi muốn mang thai. Chỗ hài nhi ban đầu chỉ là bọc máu, bảy ngày tự phân ra, từ đây mà xuất hiện. Nếu máu ra nhiều mà không ngưng, tinh người nam không trú tức ra ngoài, nếu ra hết thì người nam phải dùng tinh lại, sau lại thành thai. Khi máu hết, tinh người nam được trụ lại liền có thai. Lại người nữ có bảy việc để thọ thai. Một là tiếp xúc. Hai là lấy y. Ba là xuất tinh. Bốn là dùng tay xoa. Năm là thấy sắc. Sáu là nghe tiếng. Bảy là ngửi hương.

Hỏi: Thế nào là thọ thai bằng tiếp xúc?

Đáp: Người nữ khi nguyệt thủy xuất, ưa thích người nam. Nếu người nam dùng thân mà tiếp xúc với người nữ, sanh tham đắm mà mang thai.

Hỏi: Thế nào là thọ thai bằng cách lấy y?

Đáp: Như Ưu-đà-di cùng với vợ xuất gia, nhưng còn thương yêu nên cùng nói, muốn y có tinh. Tỳ-kheo ni lấy y đó liếm, lại lấy bỏ vào trong căn liền mang thai.

Hỏi: Thế nào là thọ thai bằng xuất tinh?

Đáp: Như nai mẹ uống tinh của Đạo sĩ, với tâm tham dục mà uống nên mang thai, con nai sanh ra là Đạo sĩ.

Hỏi: Thế nào là thọ thai bằng tay xoa?

Đáp: Như Bồ tát Thiểm-tử, cha mẹ đều mù. Trời Đế thích biết nên can phạm vào liền xuống đến tác làm vợ chồng, đã quyết chí xuất gia vì đạo nên âm dương không hợp chỉ rờ dưới rốn, liền mang thai sanh ra Thiểm-tử.

Hỏi: Thế nào là thọ thai bằng thấy sắc?

Đáp: Có người nữ khi Nguyệt hoa thủy thành, không được giao hợp với người nam, dục tình quá mạnh, chỉ thấy người nam, như người

nữ trong cung cũng như vậy, tức liền mang thai.

Hỏi: Thế nào là thọ thai bằng nghe tiếng?

Đáp: Như con cò trắng, chỉ có con cái không thấy con đực, đến mùa Xuân thời tiết mới điều hòa, khi vừa nghe tiếng cò kêu lên thì cò cái lắng lòng nghe tiếng đó, liền mang thai. Gà mái cũng nghe tiếng gà trống mà mang thai.

Hỏi: Thế nào là thọ thai bằng ngửi hương?

Đáp: Như con bò cái thương mấn chỉ ngửi mùi trâu nghé cũng mang thai.

Kinh Tăng nhất A hàm dạy: Bấy giờ Thế tôn bảo các Tỳ-kheo: Có ba nhân duyên biết chỗ đến thọ thai. Một là mẹ có tham dục, cha mẹ cùng ở một nơi, nhưng thức bên ngoài chưa thích ứng hưởng đến thì không thọ thai. Nếu thích ứng hưởng đến chỗ mà cha mẹ không cùng ở thì cũng không thọ thai. Hai là nếu người mẹ không tham dục, người cha tham dục mạnh, mẹ không ân cần nhiều thì chẳng thọ thai. Ba là nếu cha mẹ cùng ở một chỗ, người mẹ tham dục mạnh, cha không ân cần nhiều thì chẳng thọ thai. Lại có ba việc. Một là nếu cha mẹ cùng ở một chỗ, cha có bệnh phong, mẹ có bệnh lạnh thì chẳng thọ thai. Hai là nếu cha mẹ cùng ở một chỗ, mẹ có bệnh phong, cha có bệnh lạnh thì chẳng thọ thai. Ba là nếu thân cha thủy khí nhiều mà mẹ không có bệnh này thì cũng chẳng thành thai. Lại có ba việc. Một là nếu cha mẹ cùng ở một nơi, tướng cha có con, tướng mẹ không có con cũng chẳng thọ thai. Hai là nếu cha mẹ cùng ở một nơi, tướng mẹ có con, tướng cha không có con cũng chẳng thọ thai. Ba là nếu tướng cha mẹ đều không có con thì chẳng thành thai. Lại có ba việc. Một là đúng thời thần thức hưởng đến thai, cha hành sự không được thì chẳng thành thai. Hai là nếu phải thời cha mẹ nên cùng ở một nơi nhưng mẹ ở xa không có đó thì chẳng thành thai. Ba là cha mẹ cùng ở một nơi mà không hành dục thì chẳng thành thai. Lại có ba việc. Một là nếu đúng thời cha mẹ phải đến cùng một chỗ, như thân cha bị bệnh nặng, đúng lúc thần thức đến thì chẳng thành thai. Hai nếu thân mẹ bị bệnh nặng thì chẳng thành thai. Ba là nếu thân cha mẹ đều bị bệnh nặng thì chẳng thành thai. Nếu thân cha mẹ đều không bệnh, thần thức đến tướng, cha mẹ cùng có con thì thành thọ thai.

Luận Du-già dạy: Lại nữa, thai tạng có tám giai đoạn khác nhau. Những gì là tám? Tám giai đoạn là: Yết-la-lam, Át-bộ-đàm, Bế-hộ, Kiện-nam, Bát-la-xa-khư, Phát-mao-trảo, Căn, Hình. Nếu trước đã ngưng tụen trong ít, gọi là Yết-la-lam. Nếu hiện ra phủ lên như vầng

sữa mà chưa thành thịt gọi là Át-bộ-đàm. Nếu đã thành thịt rồi mà quá mềm gọi là Bế-hộ. Nếu thành dày hơn một tí chịu đựng được tiếp xúc, gọi là Kiện-nam. Cục thịt này tròn lớn dần lên, các tướng của chi hiện ra, gọi là Bát-la-xa-khư. Từ đó về sau, tóc lông móng tay hiện, gọi là Phát-mao-trảo. Từ đây về sau các căn như mắt... sanh, gọi là Căn. Theo đó mà hiện rõ ràng tất cả, gọi là Hình.

Lại ở trong thai tạng hoặc do năng lực của nghiệp trước, hoặc do mẹ không tránh được, hoặc do năng lực không ngang bằng nên bị sanh tùy theo gió, khiến thay đổi về da, tóc, sắc và các chi khác của thai tạng mà sanh. Tóc biến đổi mà sanh là do đời trước đã làm có thể cảm ứng nghiệp ác bất thiện này, hơn nữa do mẹ mình có nhiều tập khí thường nếm vị mặn gạn lọc bằng tro, hoặc uống hay ăn, khiến cho thai tạng tóc lông ít có. Sắc biến đổi là mà sanh là do nghiệp nhân đời trước như nói ở trên, hoặc do hiện tại mẹ luôn gần gũi với những thứ khói nóng, khiến cho thai sanh có màu đen sẫm. Lại do mẹ hay ở trong nhà quá lạnh khiến cho sanh thai có màu trắng tinh. Lại do mẹ ăn nhiều chất cay nóng, khiến cho thai khi sanh có màu đỏ. Da thay đổi mà sanh là nghiệp nhân đời trước như nói ở trước và hiện nay mẹ có nhiều tập khí dâm dục, khiến cho thai tạng sanh ra có ghẻ lở, da dễ xấu xí. Các chi phần thay đổi mà sanh là do nhân duyên nghiệp đời trước như nói trên, hay do mẹ luôn chạy nhảy mất oai nghi và không tránh, không bằng duyên ở hiện tại, khiến cho các căn và các chi của thai tạng đó giảm bớt sanh ra khuyết. Lại thai tạng đó nếu là con gái thì ở bên lưng phải dựa vào xương sống hướng đến trong bụng mà ở. Nếu là con trai thì ở bên lưng trái của mẹ, nương vào bụng hướng vào xương sống mà ở. Thai tạng này thành tựu đầy đủ, người mẹ không thể chịu được thai nặng này, gió bên trong phát sanh, nhiều đau đớn. Lại nghiệp báo của thai tạng này đã phát ra gió khiến cho đầu hướng xuống dưới chân lên trên, bọc thai nhi liền hướng đến cửa sanh. Khi sanh ra bọc thai bị xé tan phân làm hai bên nách rồi ra cửa sanh, lúc này gọi là sanh, về sau tiếp xúc dần với cuộc sống mà phân biệt được các xúc như nhãn xúc...cho đến ý xúc. Kệ:

*Lý nghiệp nhiều đầu mối
Đường sanh chẳng phải một
An, nguy vết xe khác
Sạch, dơ nguồn đầu giống
Chất rơi hết còn tướng.
Tìm hương có hôn đi
Lạc vào đường tối tăm*

Vút bay lên xa tít
Ấm ngưng đọng trời buộc. Tiếng quát mắng
ồn ào Thân đến núp nhà tranh Nghĩ vào
vườn hoa vui
Vợ chồng nhiều tình ái Tham sân tánh tối
tăm Biến tri xưng Chánh giác Đưa tay chỉ
Thế tôn.

CHỮ KINH TẬP YẾU (HẾT - QUYỂN
12)

